

## **Bài 3. CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

### **I – MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Học xong bài này, HS cần :

#### **1. Về kiến thức**

– Hiểu được thế nào là công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí.

– Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

#### **2. Về kĩ năng**

Phân biệt được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ với bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

#### **3. Về thái độ**

Có ý thức tôn trọng quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

---

(1) Theo Nguyễn Hưng – Báo *Công an nhân dân*, số 909, ngày 22-1-2008.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

#### *a) Trọng tâm kiến thức bài học*

Bài có 3 đơn vị kiến thức được thực hiện trong một tiết. GV cần làm rõ những nội dung trọng tâm sau đây :

– Thế nào là công dân bình đẳng trước pháp luật ?

– Bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và luật, được thực hiện trên thực tế.

– Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân, do đó công dân được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội ; việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân trên cơ sở bình đẳng, không bị phân biệt đối xử.

– Công dân vi phạm pháp luật đều bị xử lý bằng các chế tài theo quy định của pháp luật, không phân biệt nghề nghiệp, địa vị xã hội... Tuy nhiên, để đảm bảo công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý cần xem xét mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể, khách thể của vi phạm pháp luật.

– Nhà nước có trách nhiệm tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để bảo đảm cho công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ, đồng thời xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật.

#### *b) Một số kiến thức mới và khó*

– Nhiệm vụ cần thiết là phải làm rõ thế nào là quyền bình đẳng. Đây là cơ sở, tiền đề cho nhiều nội dung của bài 4 và 5.

Trong khoa học pháp lý, "Quyền" là khả năng của mỗi công dân được tự do lựa chọn hành động. Khả năng đó được Nhà nước ghi nhận trong Hiến pháp và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

Quyền bình đẳng là khả năng của công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Khả năng đó không bị phân biệt đối xử vì lí do giống nòi, thành phần giai cấp, địa vị xã hội, dân tộc, tôn giáo.

Tuy vậy, quyền bình đẳng không có nghĩa là mọi người đều có quyền bằng nhau, ngang nhau trong mọi trường hợp. Nghĩa của quyền bình đẳng phải được hiểu là : Trong cùng một điều kiện và hoàn cảnh như nhau, công dân được đối xử như nhau, có quyền và nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật.

– Cơ sở để đảm bảo cho công dân bình đẳng trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí :

+ Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định, không một tổ chức, cá nhân nào được phép tùy tiện đặt ra quyền và nghĩa vụ trái với Hiến pháp và luật. Do đó, mỗi công dân cần nắm vững các quy định của Hiến pháp và luật để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và cần đề phòng, ngăn chặn mọi hành vi lạm quyền, không làm đúng thẩm quyền ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

+ Trách nhiệm pháp lí chỉ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng với các chủ thể vi phạm pháp luật, theo quy định của pháp luật (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỉ luật).

Trách nhiệm pháp lí là bắt buộc đối với tất cả những ai vi phạm pháp luật. Những người vi phạm pháp luật nhất thiết phải bị xử lí. Không ai có thể biện bạch cho hành vi vi phạm pháp luật của mình, dù người đó ở cương vị nào trong xã hội. Điều quan trọng là phải phát hiện được mọi hành vi vi phạm pháp luật để xử lí công minh theo pháp luật ; kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lợi dụng chức quyền để vi phạm pháp luật, hoặc dung túng bao che cho những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm pháp luật không bị xử lí, thì đó chính là sự buông lỏng, tạo tiền đề cho những hành vi vi phạm pháp luật tiếp theo. Nhà nước có nhiệm vụ khuyến khích, bảo vệ cho những người trung thực, thẳng thắn đấu tranh bảo vệ công lí.

+ Truy cứu trách nhiệm pháp lí tức là áp dụng những biện pháp cưỡng chế được Nhà nước quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Chủ thể vi phạm pháp luật bị Nhà nước cưỡng chế phải thực hiện các chế tài của pháp luật. Quyền xét xử thuộc về Tòa án, vì vậy, để đảm bảo bình đẳng về trách nhiệm pháp lí thì trong quá trình xét xử phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trước tòa án. Áp dụng trách nhiệm pháp lí ngoài tác dụng trừng phạt, còn có tác dụng răn

đe tất cả những người khác, khiến họ phải biết kiềm chế, giữ cho mình không vi phạm pháp luật ; giáo dục họ ý thức tôn trọng và thực hiện pháp luật nghiêm minh, làm cho mọi người tin tưởng vào công lí, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm pháp luật, từng bước loại trừ dần hiện tượng vi phạm pháp luật ra khỏi đời sống xã hội.

+ Để đảm bảo cho công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí, việc thực hiện trách nhiệm pháp lí được tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản sau : Chỉ truy cứu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật khi hành vi đó có lỗi và theo nguyên tắc pháp chế, công bằng, công khai, nhanh chóng kịp thời.

Trong một số trường hợp nhất định có thể dùng các biện pháp tác động về mặt xã hội thay cho việc áp dụng những biện pháp trách nhiệm pháp lí bằng cách giao cho các tổ chức xã hội, tập thể lao động giáo dục người vi phạm pháp luật.

## **2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

### ***a) Phương pháp dạy học***

Trong bài này, GV cần sử dụng đa dạng và kết hợp các phương pháp dạy học : phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp vấn đáp, phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp hoạt động nhóm và phương pháp đóng vai...

### ***b) Hình thức tổ chức dạy học***

Bài này có thể tổ chức học theo lớp, theo nhóm, học cá nhân.

## **3. Về phương tiện dạy học**

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12.
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;
- Máy chiếu, giấy trong hoặc băng hình, đầu video (nếu có) ;
- Máy vi tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;

– Giấy khổ to, bút dạ để làm bài tập tình huống, bài tập trắc nghiệm theo nhóm ;

– Những câu chuyện, tiểu phẩm, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học ;

– Một số luật, bộ luật hiện hành liên quan đến nội dung bài học.

#### **4. Về kiểm tra, đánh giá**

##### ***a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK***

*\* Các câu trong phần II – Nội dung bài học*

*Mục 1 :*

– Câu 1 : Em hiểu như thế nào về quyền bình đẳng của công dân trong lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh ?

Lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập tới quyền bầu cử và ứng cử của công dân. Quyền bầu cử và ứng cử của công dân không bị phân biệt bởi nam, nữ, giàu nghèo, thành phần, dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội. Mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trong việc hưởng quyền bầu cử và ứng cử.

– Câu 2 : Những trường hợp được nêu trong ví dụ không mâu thuẫn với quyền bình đẳng của công dân, bởi vì mọi công dân đều được bình đẳng trong việc hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật, nhưng mức độ sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ đó đến đâu thì còn phụ thuộc vào khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người.

*Mục 2 :*

Nêu ví dụ về việc Tòa án xét xử một số vụ án ở nước ta hiện nay không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ quan trọng như thế nào trong bộ máy nhà nước.

GV nên lấy ví dụ những vụ án điển hình như vụ án Trương Văn Cam. Trong vụ án này có cán bộ trong cơ quan bảo vệ pháp luật, cán bộ cao cấp trong các cơ quan đảng và nhà nước có hành vi bảo kê, tiếp tay cho Năm Cam và đồng bọn như : Bùi Quốc Huy, Phạm Sỹ Chiến, Trần Mai Hạnh,... Bộ Chính trị, Ban bí thư đã chỉ đạo Đảng uỷ công an, ban cán sự Đảng các cấp, các ngành nhanh chóng xử lý nghiêm túc, triệt để những cán bộ, đảng viên sai phạm.

### *Mục 3 :*

Nhà nước quy định điểm ưu tiên cho các thí sinh người dân tộc thiểu số, con thương binh, con liệt sĩ trong tuyển sinh đại học, cao đẳng. Theo em, điều đó có ảnh hưởng tới nguyên tắc mọi công dân được đối xử bình đẳng về quyền và cơ hội học tập không ?

Quy định của Nhà nước ưu tiên điểm theo nhóm (nhóm ưu tiên 1, nhóm ưu tiên 2,...) căn cứ vào điều kiện kinh tế – xã hội của từng khu vực, đồng thời quan tâm tới những gia đình có công với cách mạng như con thương binh, con liệt sĩ, con bà mẹ Việt Nam anh hùng ; quan tâm tới anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, công nhân ưu tú trực tiếp sản xuất, nghệ nhân... Trong đó thí sinh người dân tộc thiểu số thuộc vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng mức ưu tiên theo khu vực (khu vực 1) cao nhất. Chính sách của Nhà nước đối với thí sinh người dân tộc thiểu số không chỉ tạo cơ hội học tập cho con em dân tộc thiểu số mà còn nhằm mục đích đào tạo đội ngũ cho miền núi, để miền núi tiến kịp miền xuôi. Như vậy, các thí sinh người dân tộc thiểu số, con thương binh, con liệt sĩ được điểm ưu tiên tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng không những không ảnh hưởng tới nguyên tắc mọi công dân được đối xử bình đẳng về quyền và cơ hội học tập mà còn đảm bảo cho công dân hưởng quyền và cơ hội đó.

### *\* Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

#### *Câu 3 :*

Phương án trả lời đúng : c.

#### *Câu 4 :*

Thắc mắc của gia đình N là sai, vì :

Đối với Nguyễn Văn N : Toà án đã căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự về tội cướp tài sản : Người nào phạm tội gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 61% trở lên thì bị phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. Toà đã xử Nguyễn Văn N (19 tuổi) tù chung thân là đúng.

Đối với Trần Văn A : Trần Văn A tuy cùng thực hiện một tội phạm với Nguyễn Văn N, nhưng vì mới 17 tuổi, nên ngoài việc áp dụng điểm a khoản 4

Điều 133 Bộ luật Hình sự, Toà còn áp dụng khoản 1 Điều 73 Bộ luật Hình sự về "quy định đối với người chưa thành niên phạm tội", theo đó mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với hành vi tội phạm này là không quá mười tám năm tù.

**b) Gợi ý kiểm tra, đánh giá**

Bên cạnh những câu hỏi kiểm tra nhận thức và thái độ của HS, GV cần xây dựng những bài tập tình huống, bài tập trắc nghiệm để đánh giá khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của HS, đồng thời giáo dục HS ý thức đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật để bất kì ai vi phạm pháp luật cũng phải bị truy cứu trách nhiệm pháp lí.

Ví dụ :

1. Bạn A hỏi : Nói mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật có phải là nói mọi người phạm tội đều phải chịu một mức hình phạt như nhau không ?

Em hãy giải đáp câu hỏi này cho bạn A.

2. Bà B thắc mắc : Tại sao nói mọi người bình đẳng trước pháp luật, mà con tôi năm nay 14 tuổi cùng với con chị hàng xóm kém con tôi 1 tuổi đã gây gỗ đánh ông A trọng thương thì Toà án xử con tôi phạm tội "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", còn con chị hàng xóm thì chỉ bị xử lí hành chính ?

Em hãy giải đáp giúp bà B.

3. Em hãy lựa chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau đây.

Công dân bình đẳng trước pháp luật là :

a) Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

b) Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

c) Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lí theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

d) Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

### III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở bài

– *Phương án 1* : GV có thể mở bài bằng cách nêu vấn đề : Con người sinh ra đều mong muốn được sống trong một xã hội bình đẳng, nhân đạo, có kỉ cương. Mong muốn đó có thể thực hiện được trong xã hội duy trì chế độ người bóc lột người hay không ? Nhà nước ta với bản chất là Nhà nước của dân, do dân và vì dân đã đem lại quyền bình đẳng cho công dân. Vậy, ở nước ta hiện nay, quyền bình đẳng của công dân được thực hiện trên cơ sở nào và làm thế nào để quyền bình đẳng của công dân được tôn trọng và bảo vệ ?

– *Phương án 2* : GV có thể sử dụng các câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn Độc lập, hoặc truyện đọc, tư liệu khác có nội dung liên quan đến bài học để giới thiệu bài.

#### 2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Trước khi dạy đơn vị kiến thức 1, GV cần giúp HS biết được thế nào là bình đẳng trước pháp luật. HS cần biết : Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

*a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.*

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

Thế nào là công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ : Trước Nhà nước và xã hội công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

*\* Cách thực hiện*

– GV cho HS phân tích lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– HS nêu nhận xét của mình.

– GV kết luận : Công dân được bình đẳng trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.



– GV cho HS thảo luận nhóm về câu hỏi 1 trong SGK.

– Ý kiến của các nhóm.

– GV phân tích cho HS hiểu rõ : Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và làm nghĩa vụ như nhau. Nhưng mức độ sử dụng các quyền đó đến đâu phụ thuộc vào khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người. Vì vậy, trong thực tế, có thể người này được hưởng nhiều quyền hơn, người kia hưởng ít quyền hơn hoặc người này thực hiện nghĩa vụ khác với người kia, nhưng vẫn là bình đẳng trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ.

**b) *Day học đơn vị kiến thức 2 : Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.***

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu được bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí bằng các chế tài theo quy định của pháp luật.

*\* Cách thực hiện*

GV cần tiến hành các hoạt động sau :

– GV tạo tình huống có vấn đề (sử dụng phương pháp sắm vai hoặc sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề) phù hợp với từng nội dung liên quan đến kiến thức.

Ví dụ : Một nhóm thanh niên rủ nhau đua ô tô với lí do nhà hai bạn trong nhóm mới mua ô tô. Bạn A trong nhóm có ý kiến không đồng ý vì cho rằng các bạn chưa có Giấy phép lái ô tô, đua xe nguy hiểm và dễ gây tai nạn ; bạn B cho rằng bạn A lo xa vì trong nhóm đã có bố bạn B làm trưởng công an quận, bố bạn C làm thú trưởng của một bộ. Nếu tình huống xấu nhất xảy ra đã có phụ huynh bạn B và bạn C "lo" hết. Cả nhóm nhất trí với B. Quan điểm và thái độ của em trước những ý kiến trên như thế nào ? Nếu nhóm bạn đó là cùng lớp với em, em sẽ làm gì ?

– HS phát biểu, đề xuất cách giải quyết.

– GV đánh giá kết quả làm việc của HS (chú ý tới đề xuất của HS) ;

– Dựa vào kiến thức đã cung cấp trong mục Những điều cần lưu ý, GV giảng giải để HS hiểu : Mọi vi phạm pháp luật đều xâm hại đến quyền và lợi ích của chủ thể khác, làm rối loạn trật tự pháp luật ở một mức độ nhất định. Trong thực tế, có một số người do thiếu hiểu biết về pháp luật, không tôn trọng và không thực hiện pháp luật hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm

pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng cho người khác, cho xã hội. Những hành vi đó cần phải được đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ với nhau những thông tin mà các em biết được về việc xét xử một số vụ án ở nước ta hiện nay dựa trên nguyên tắc bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

– Kết luận : Trách nhiệm pháp lí là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng với các chủ thể vi phạm pháp luật. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý bằng các chế tài theo quy định của pháp luật.

**c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.***

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu :

– Nhà nước có trách nhiệm tạo ra các điều kiện cần thiết bảo đảm cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

– Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật và bảo đảm công bằng, hợp lí trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lí.

*\* Cách thực hiện*

– GV nêu vấn đề : Công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật trên cơ sở nào ?

GV cho HS trả lời các câu hỏi sau bằng phiếu học tập (theo nhóm) :

+ Theo em, để công dân được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, Nhà nước có nhất thiết phải quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân vào Hiến pháp và luật không ? Vì sao ?

+ Bản thân em được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ? (Nêu ví dụ cụ thể).

+ Vì sao Nhà nước không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật ?

– GV cho HS trả lời câu hỏi trong mục 3 SGK.

– GV giải thích cho HS : Để đảm bảo cho công dân bình đẳng trước pháp luật, Nhà nước quy định quyền và nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp và luật.

Không một tổ chức, cá nhân nào được đặt ra quyền và nghĩa vụ công dân trái với Hiến pháp và luật.

– Kết luận : Nhà nước có trách nhiệm tạo ra các điều kiện bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.

### **3. Phần củng cố**

– GV tổ chức cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau mỗi tiết dạy để HS hiểu đúng nghĩa công dân bình đẳng trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí.

– GV tổ chức cho HS thảo luận những vấn đề nêu ra trong phần gợi ý kiểm tra đánh giá, qua đó HS thể hiện quan điểm của bản thân và biết đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.

## **IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO**

1. "Trong điều kiện Đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Mọi vi phạm đều phải xử lí."<sup>(1)</sup>

2. "Mọi vi phạm pháp luật đều phải được xử lí. Bất cứ ai vi phạm đều bị đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lí "nội bộ". Không làm theo kiểu phong kiến : Dân thì chịu hình phạt, quan thì xử theo "lẽ" [...]. Cấm bao che cho hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào."<sup>(2)</sup>

### **3. Hiến pháp năm 1946**

#### ***Điều thứ 7***

Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình.

---

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.121.